TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 139/2023/HS-ST Ngày 23 - 8 - 2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Linh Nga.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Đức Toàn;
2. Ông Nguyễn Nam Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 127/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Trịnh Văn M, sinh ngày 01/01/1975 tại Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn S, xã P, thành phố B, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn T (đã chết) và bà Lê Thị N (đã chết); chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 12/2018/QĐ-TA ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thời gian 15 tháng, đã chấp hành xong;

- Bản án số 64/2019/HS-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/4/2023 đến ngày 09/4/2023 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình; (có mặt).

- Người chứng kiến:

1. Anh Lê Thanh T, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Số nhà 08, đườngV, tổ 18, phường T, thành phố B, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Tiến V, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Số nhà 06/05, ngõ 159, đường T, tổ 4, phường K, thành phố B, tỉnh Thái Bình; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 06/4/2023, Trịnh Văn M đi bộ từ nhà đến khu vực cầu Đen thuộc thônT, xã P, thành phố B, tỉnh Thái Bình với mục đích mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Tại đây, M đã gặp và mua của 01 người nam giới không biết tên, tuổi, địa chỉ 01 gói ma túy được gói bằng giấy bạc màu trắng, bên trong có chất bột màu trắng dạng cục với giá 500.000 đồng. Sau đó, M cầm gói ma túy vừa mua được ở lòng bàn tay trái rồi đi bộ tìm nơi sử dụng. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, khi M đi đến khu vực Thôn S, xã P, thành phố B, tỉnh Thái Bình thì bị tổ công tác công an thành phố Thái Bình phát hiện, bắt quả tang. Trước sự chứng kiến của ông Lê Thanh T và anh Nguyễn Tiến V, M đã tự giác giao nộp 01 gói ma tuý M đang cầm ở lòng bàn tay trái cho cơ quan công an và khai đó là Heroin. Cơ quan Công an đã niêm phong túi ma tuý quản lý của M để trưng cầu giám định. Ngoài ra, cơ quan Công an không thu giữ và quản lý của M đồ vật, tài sản gì.

Tại Bản Kết luận giám định số 501/KL-KTHS(MT) ngày 07/4/2023, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu vật gửi giám định quản lý của Trịnh Văn M là ma túy, loại Heroin, có khối lượng 0,3042 gam.

Cáo trạng số 134/CT-VKSTPTB ngày 17/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Trịnh Văn M về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu; đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình luận tội, giữ nguyên truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn M phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Văn M mức án từ 15 tháng đến 21 tháng tù. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: tịch thu, tiêu hủy số ma túy thu của bị cáo được niêm phong trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 501/KL-KTHS(MT).

Bị cáo đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình , tỉnh Thái Bình đã truy tố, không trình bày lời bào chữa và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng : Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Văn M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, kết luận giám định, lời khai người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 06/4/2023, tại khu vực Thôn S, xã P, thành phố B, tỉnh Thái Bình, bị cáo Trịnh Văn M có hành vi tàng trữ tại lòng bàn tay trái của bị cáo 01 gói ma tuý, loại Heroin, có khối lượng 0,3042 gam, mục đích để sử dụng cho bản thân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng. Vì vậy hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định: *"1.Người nào tàng trữ trái phép chất ma tuý mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma tuý thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm năm ...; c) Heroin, Cocain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam; ..."*. Cáo trạng số 134/CT-VKSTPTB ngày 17/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố đối với bị cáo Trịnh Văn M về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quy định quản lý các chất gây nghiện của Nhà nước. Bị cáo nhận thức rõ pháp luật hình sự nghiêm cấm việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy. Đồng thời, bị cáo cũng biết rõ tác hại của ma tuý, đó là chất gây nghiện, huỷ hoại sức khoẻ của người sử dụng, là nguyên nhân lây truyền căn bệnh HIV-AIDS, gây tan vỡ hạnh phúc gia đình, làm suy đồi đạo đức xã hội và là nguyên nhân gây ra các tội phạm hình sự khác, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo là người có nhân thân xấu, là người nghiện ma túy nhiều năm, đã 01 lần bị kết án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 01 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xét cho bị cáo là người không có trình độ học vấn nên nhận thức pháp luật có nhiều hạn chế, đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".* Xét thấy bị cáo làm lao động tự do, thu nhập thấp và không ổn định, mục đích tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, số ma túy thu giữ trong vụ án còn lại sau giám định là chất Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về nguồn gốc số ma túy , bị cáo khai mua của một người nam gi ới tại khu vực cầu Đen thuộc thônT, xã P, thành phố B, tỉnh Thái Bình nhưng không biết tên, tuổi, địa chỉ nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải n ộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định c ủa pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn M phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trịnh Văn M 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 06/4/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu gi ữ của Trịnh Văn M còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 501/KL-KTHS(MT);

(Vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân s ự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/7/2023).

4. Về án phí: Bị cáo Trịnh Văn M phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trịnh Văn M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/8/2023.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra và Cơ quan THA hình sự Công an TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam Công an TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Nga